

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| VN-Index | 389.86 ↓ | -1.70 | -0.43% |
| KLGD (triệu ck) | 22.77 ↓ | -6.99 | -23.48% |
| GTGD (tỷ đồng) | 279.07 ↓ | -175.24 | -38.57% |
| Tổng cung (triệu ck) | 101.33 ↑ | 4.67 | 4.83% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 105.35 ↓ | -9.15 | -7.99% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 1.04 ↓ | -0.83 | -44.43% |
| KL bán (triệu ck) | 0.74 ↓ | -1.36 | -64.97% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 24.68 ↓ | -75.46 | -75.35% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 19.87 ↓ | -83.53 | -80.79% |

Các ngưỡng kĩ thuật

| | Điểm | Đánh giá |
|------------|------|----------|
| Kháng cự 1 | 405 | ** |
| Kháng cự 2 | | |
| Kháng cự 3 | | |
| Hỗ trợ 1 | 380 | ** |
| Hỗ trợ 2 | 350 | *** |
| Hỗ trợ 3 | | |

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Công Ty CPCI Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Tổng hợp thông tin đáng chú ý:

- Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát chi phí sản xuất kinh doanh điện trong khâu phát điện tháng 7 - 8 - 9. Kết quả cho thấy, chi phí sản xuất kinh doanh điện thực tế có thấp hơn so với kế hoạch. Bộ Công Thương đã có ý kiến đối với EVN là chưa tăng giá bán điện trong tháng 10 này và dự kiến tháng 11 tới đây cũng sẽ chưa tăng giá.
- Các ngân hàng trong diện tái cơ cấu từ nay đến hết năm đã được hé lộ, bao gồm: Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu (GP.Bank), Ngân hàng TMCP Nam Việt (Navibank), Ngân hàng TMCP Đại Tín (TrustBank) và Ngân hàng Phương Tây (Western Bank). Đại diện NHNN khẳng định, hiện 4 ngân hàng trên chưa đưa ra được phương án tái cấu trúc tối ưu, song sẽ phải tái cấu trúc trong năm 2012. Theo thông tin từ NVB thì NHNN cho phép Navibank tự tái cấu trúc bằng chính nguồn lực của mình và không cần phải sáp nhập với ngân hàng nào khác. Ngược lại, giới phân tích cho rằng GP.Bank và Trustbank khó có khả năng tự tái cấu trúc, mà sẽ phải lựa chọn phương án hợp nhất, sáp nhập với ngân hàng khác.
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET) thông báo kết quả kinh doanh quý 3 và 9 tháng đầu năm 2012 của riêng công ty mẹ: Doanh thu thuần quý 3 giảm 24% còn 312 tỷ đồng và lãi gộp đạt 23,91 tỷ đồng, giảm 23,34% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm, PET (công ty mẹ) lãi sau thuế 61,47 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức 207 tỷ đồng cùng kỳ. Giải trình của PET cho biết, doanh thu quý 3 sụt giảm do tháng 7/2012 nhà máy lọc dầu Bình Sơn tạm ngưng hoạt động vì sự cố một thời gian nên doanh thu từ hạt nhựa bị giảm. Ngoài ra, LNST sụt giảm do từ cuối năm 2011, công ty PSD-một công ty con của PET-được chuyển đổi thành cổ phần nên lợi nhuận của PSD không nộp về mẹ theo quý nữa mà cổ tức sẽ thanh toán vào cuối năm nên doanh thu tài chính giảm đáng kể. Tuy nhiên, dự kiến năm 2012 PSD sẽ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra và lợi nhuận đạt được sẽ vẫn duy trì như năm 2011 nên xét về tổng quan cả năm 2012, công ty mẹ sẽ không có sự sụt giảm về lợi nhuận.

Nhận định thị trường:

Giá trị giao dịch toàn thị trường có chiều hướng sụt giảm nhanh hơn thanh khoản khớp lệnh, cho thấy thanh khoản phân bổ chủ yếu vào nhóm cổ phiếu pennies (giá rẻ). Ngược lại, các cổ phiếu tốt về cơ bản, các mã vốn hóa lớn và bluechips hầu hết trong trạng thái dao động hẹp, thanh khoản thấp và chưa bộc lộ rõ xu thế ngắn hạn. Trên HNX, nhóm cổ phiếu ngân hàng đang chiếm một tỷ lệ KLGD lớn so với thanh khoản toàn sàn. Điều này cũng cho thấy thanh khoản chung trên toàn sàn Hà Nội vẫn đang trong tình trạng rất ảm đạm, thể hiện sự thận trọng của dòng tiền. Thị trường chưa xuất hiện dấu hiệu tích cực nào, do đó khả năng trạng thái ảm đạm này vẫn còn chưa kết thúc. NĐT nên tiếp tục duy trì sự thận trọng, hạn chế các giao dịch mua vào với mục tiêu ngắn hạn.

HNX:**Tổng quan thị trường**

| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|-----------------------|----------|----------|--------|
| HNX-Index | 53.13 ↓ | -0.51 | -0.95% |
| KLGD (triệu ck) | 34.40 ↑ | 6.91 | 25.13% |
| GTGD (tỷ đồng) | 259.35 ↑ | 72.70 | 38.95% |
| Tổng cung (triệu ck) | 48.44 ↑ | 13.49 | 38.61% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 44.83 ↑ | 14.79 | 49.24% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 0.24 ↑ | 0.02 | 8.70% |
| KL bán (triệu ck) | 0.71 ↑ | 0.17 | 31.63% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 4.04 ↑ | 1.96 | 94.77% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 7.54 ↑ | 1.68 | 28.74% |

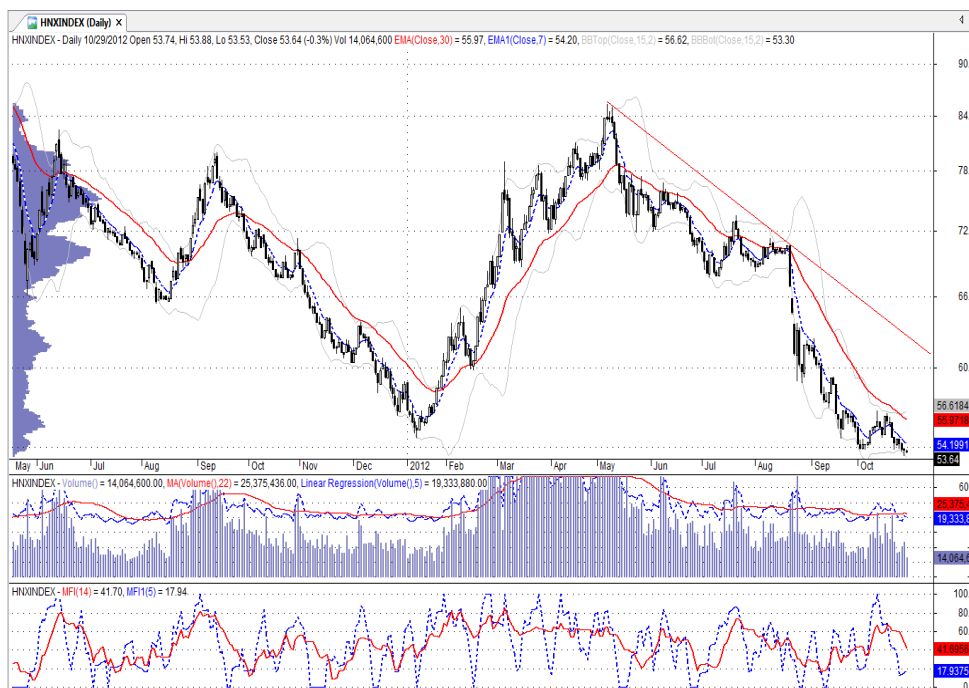
Các ngưỡng kỹ thuật

| | Điểm | Đánh giá |
|------------|--------------|----------|
| Kháng cự 1 | 57 | ** |
| Kháng cự 2 | vùng 60 - 62 | *** |
| Kháng cự 3 | | |
| Hỗ trợ 1 | vùng 51 điểm | ** |
| Hỗ trợ 2 | | |
| Hỗ trợ 3 | | |

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Thanh khoản

| KLGD Khớp lệnh | Giá trị (cổ phiếu/phiên) |
|-------------------------|--------------------------|
| Bình quân 15 phiên | 27,879,960 |
| Bình quân 25 phiên | 24,603,048 |
| Cao nhất trong 6 tháng | 111,859,504 |
| Thấp nhất trong 6 tháng | 15,358,600 |
| Phiên gần nhất | 27,433,000 |

Nhận định thị trường:

Đồ thị HNX-Index.

Đáng chú ý:

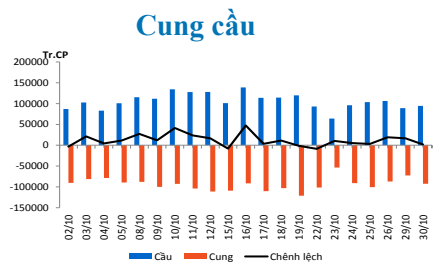
Navibank: Cuối quý 3/2012, huy động vốn tăng 11,7%, nợ xấu tăng lên 3,97%. LNST quý 3.2012 của NVB đạt 6,57 tỷ đồng, giảm 87% cùng kỳ 2011, 9 tháng đạt 98 tỷ đồng, giảm 33,5% cùng kỳ 2011. (Tỷ lệ nợ xấu là theo báo cáo của Navibank, chưa phải con số từ NHNN công bố qua hoạt động thanh tra).

Phiên hôm nay, NVB giao dịch hơn 8 triệu đơn vị, SHB giao dịch gần 5,5 triệu đơn vị. Nếu tính cả các cổ phiếu như VND, FLC, PVX, SCR, KLS thì tổng KLGD của nhóm 7 mã này đã đạt tới 18,438 đơn vị, chiếm gần 70% tổng thanh khoản sàn Hà Nội phiên hôm nay. Ngoài ra, một lượng thanh khoản khá lớn tập trung vào các cổ phiếu đầu cơ như CMI, DCX, SHS, THV... cho thấy tình trạng rất ảm đạm trên phần còn lại của sàn Hà Nội. Gần 130 mã cổ phiếu không có dư mua vào cuối phiên.

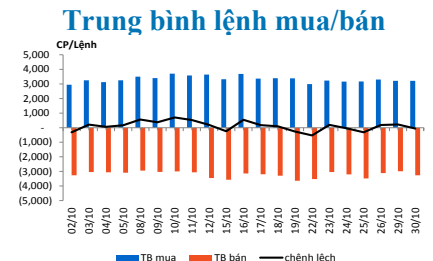
Về mặt kỹ thuật, xu thế giảm của HNX-Index đang hiện hữu và chưa có dấu hiệu nào cho thấy tình trạng ảm đạm sắp kết thúc. Thanh khoản HNX-Index vẫn tiếp tục giảm dần cho thấy rủi ro giảm còn hiện hữu mặc dù tốc độ giảm của thị trường không mạnh. NĐT nên tiếp tục duy trì sự thận trọng trong giai đoạn hiện tại cho tới khi thanh khoản khớp lệnh thị trường có sự phục hồi đáng kể.

HSX:

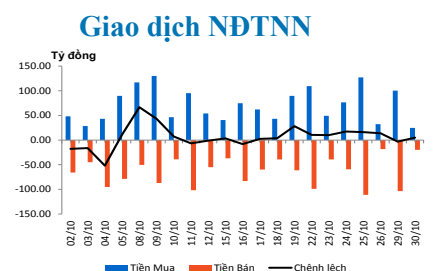
Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh



Mở cửa: ITA, KBC, CII chất trần, VN-Index chạm 390 điểm. Một vài mã khác như DXG, CII, GMD cũng tăng kịch trần với dư mua lớn, trong đó CII tăng giá nhờ thông tin công ty con đăng ký mua gần 17 triệu cổ phiếu. Diễn biến chung của thị trường vẫn khá ảm đạm khi các mã chủ chốt hầu hết xoay quanh mốc tham chiếu, khiến VN-Index giảm điểm nhẹ và chạm mốc 390 điểm. Giao dịch chỉ đạt khoảng 2 triệu đơn vị, tương đương 23.5 tỷ đồng.



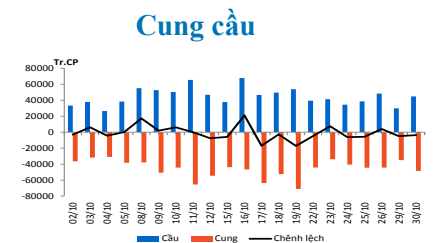
Sức mua cạn kiệt. Giữa buổi sáng, nhóm cổ phiếu PVT, PXI, PXL, PXS, PXM...đồng loạt rút sàn dù lượng bán ra không chiếm áp đảo. ITA lùi dần về mốc tham chiếu, thậm chí giảm nhẹ, trong khi KBC vẫn còn dư mua trần gần 260 ngàn đơn vị sau hơn 1 giờ giao dịch. VN-Index tăng nhẹ trong phiên giao dịch buổi sáng nhưng giao dịch ở mức rất thấp khiến nhà đầu tư phải lo ngại. Giao dịch toàn sàn chỉ đạt 13.5 triệu đơn vị, tương đương 158.98 tỷ đồng.



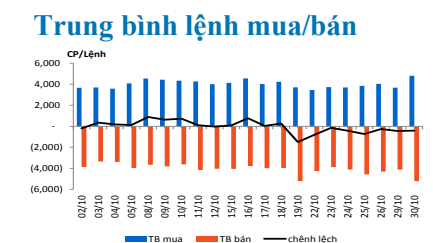
Cuối phiên, áp lực bán gia tăng mạnh khiến chỉ số quay đầu. VN-Index lại xuống dưới 390 điểm khi chốt phiên ở mức 389.86 điểm, giảm 0,38%. Toàn sàn đã có 124 mã giảm. Giao dịch đạt hơn 20 triệu đơn vị, trị giá 246 tỷ đồng.

HNX:

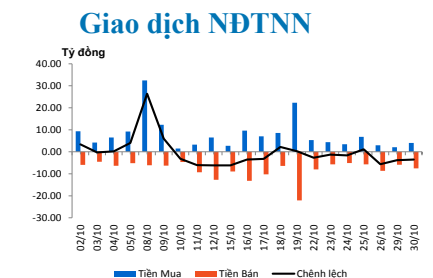
Diễn biến thị trường Hà Nội:



Chỉ số tăng nhẹ ở những phút đầu, nhưng giao dịch vẫn ở mức khiêm tốn với hơn 2 triệu đơn vị, trị giá 15 tỷ đồng. Sự khởi sắc của thị trường nhờ PVX, SCR, VND, SHS, KLS nhích nhẹ trên mốc tham chiếu. Tuy nhiên, SHB mới là mã có giao dịch nhiều nhất với hơn 600 ngàn đơn vị trong chưa đầy 30 phút mở cửa.



Kết phiên sang, dù PVX tăng trần lên 4,400 đồng/cp và VND tăng 100 đồng nhưng với sự sụt giảm của NVB (liên quan đến ông Đặng Thành Tâm) và SHB, FLC, ACB đều giảm khiến thị trường không có sức bật. HNX-Index mất 0.22 điểm, tức 0.41% xuống 53.42 điểm. Tuy nhiên, giao dịch cải thiện đáng kể so với phiên trước với 20.74 triệu đơn vị, trị giá 171 tỷ đồng, trong đó riêng NVB bất ngờ có giao dịch hơn 4.35 triệu đơn vị, SHB cũng có hơn 2.4 triệu đơn vị. BVG tăng trần với dư mua lớn nhờ việc liên doanh với các đối tác Nhật để sản xuất thép.



Kết phiên, tương tự như trên HSX, áp lực bán trên HNX cũng tăng mạnh đột ngột. Chốt phiên tại 53,13 điểm, HNX-Index giảm mạnh tới 0,95% so với cuối phiên trước. ACB, SHB cùng nhiều mã khác đều không trụ vững vào cuối phiên. Điểm đặc biệt khi các mã ngân hàng tại sàn này đều có khối lượng giao dịch lớn. NVB hơn 8 triệu đơn vị, SHB trên 3.55 triệu đơn vị và ACB hơn 1 triệu đơn vị, chiếm hơn 50% tổng thanh khoản 27,4 triệu đơn vị trên HNX.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX Bloomberg : PVNI <GO> www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

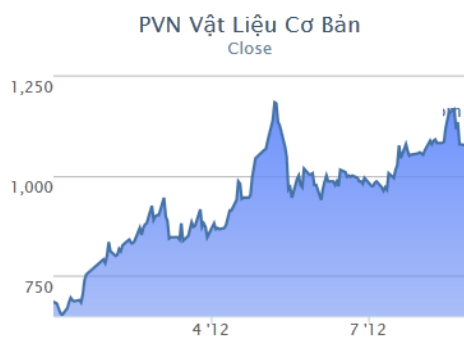


Chỉ số PVN 10



| Chỉ số | Giá đóng cửa | Thay đổi | % Thay đổi |
|--------------------------|--------------|----------|------------|
| PVN 10 | 691.55 | ↓ -2.53 | ↓ -0.37 |
| PVN ALL SHARE CONTINUOUS | 651.57 | ↓ -0.27 | ↓ -0.04 |
| PVN ALLSHARE | 633.89 | ↓ -0.24 | ↓ -0.04 |
| PVN ALLSHARE HNX | 476.01 | ↓ -0.21 | ↓ -0.04 |
| PVN ALLSHARE HSX | 693.83 | ↓ -0.28 | ↓ -0.04 |
| PVN Vật Liệu Cơ Bản | 1034.78 | ↓ -2.9 | ↓ -0.28 |
| PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng | 767.61 | ↓ -21.13 | ↓ -2.68 |
| PVN Tài Chính | 432.83 | ↓ -4.86 | ↓ -1.11 |
| PVN Công Nghiệp | 292.53 | ↓ -0.25 | ↓ -0.09 |
| PVN Dầu Khí | 640.67 | ↑ 1.17 | ↑ 0.18 |
| PVN Dịch Vụ Tiện Ích | 585.53 | ↓ -22.34 | ↓ -3.68 |

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

| CHỈ SỐ | TÊN CHỈ SỐ | LOẠI CHỈ SỐ | Chỉ số Giá | | | | Chỉ số Lợi Nhuận | | | |
|--------|-------------------------|-------------|------------|-----|-----|-----|------------------|-----|-----|-----|
| | | | VND | EUR | USD | JPY | VND | EUR | USD | JPY |
| PVNAS | PVN ALL SAHRE | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNASC | PVN ALLSHARE CONTINUOUS | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNHSX | PVN ALLSHARE HSX | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNHNX | PVN ALLSHARE HNX | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVN10 | PVN 10 | Đầu tư | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNBM | PVN Vật liệu Cơ bản | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNCS | PVN Dịch vụ Tiêu dùng | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNFI | PVN Tài chính | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNIN | PVN Công nghiệp | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNOG | PVN Dầu khí | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNUT | PVN Dịch vụ Tiện ích | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| | TỔNG | 88 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 |

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rổ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 9 mã cổ phiếu đứng giá, 4 cổ phiếu tăng giá và 15 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,99% và tổng khối lượng giao dịch đạt mức thấp với 3,763 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 30/10:

| STT | Mã | Tên công ty | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|---|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1 | PCG | CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị | 4,200.0 | - | → 0.00 | 0.37 | 11.35 | HNX |
| 2 | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long | 2,700.0 | 3,100 | → 0.00 | 0.27 | 24.55 | HNX |
| 3 | PFL | Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô | 2,300.0 | 46,500 | ↓ -4.17 | 0.13 | 0.23 | HNX |
| 4 | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 17,200.0 | 217,400 | ↓ -0.58 | 1.41 | 1.15 | HNX |
| 5 | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 8,500.0 | 98,100 | ↑ 2.41 | 0.79 | 5.38 | HNX |
| 6 | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam | 4,700.0 | - | → 0.00 | 0.43 | 2.60 | HNX |
| 7 | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí | 3,800.0 | 5,500 | → 0.00 | 0.38 | N/A | HNX |
| 8 | PVC | Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP | 12,900.0 | 647,640 | ↑ 3.20 | 0.77 | 1.93 | HNX |
| 9 | PVE | Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP | 8,600.0 | 3,300 | ↑ 1.18 | 1.51 | 3.93 | HNX |
| 10 | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc | 8,200.0 | 45,700 | → 0.00 | 0.53 | 5.90 | HNX |
| 11 | PVI | Công ty Cổ phần PVI | 15,400.0 | 18,505 | ↓ -0.65 | 0.66 | 7.78 | HNX |
| 12 | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam | 3,500.0 | 15,366 | ↓ -5.41 | 0.34 | 1.64 | HNX |
| 13 | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | 15,000.0 | 85,950 | → 0.00 | 1.27 | 4.01 | HNX |
| 14 | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 4,200.0 | 1,211,300 | → 0.00 | 0.19 | 1.58 | HNX |
| 15 | GAS | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | 39,600.0 | 79,390 | ↑ 0.25 | 3.20 | 12.69 | HSX |
| 16 | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP | 35,700.0 | 176,370 | ↓ -0.28 | 2.14 | 5.77 | HSX |
| 17 | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam | 23,600.0 | 8,730 | ↓ -1.26 | 1.08 | 2.87 | HSX |
| 18 | GSP | CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế | 6,300.0 | 24,150 | ↓ -1.56 | 0.54 | 4.60 | HSX |
| 19 | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí | 10,900.0 | 54,150 | ↓ -2.68 | 0.62 | 2.68 | HSX |
| 20 | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 29,600.0 | 323,410 | ↓ -3.90 | 1.45 | 4.18 | HSX |
| 21 | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí | 2,200.0 | 105,610 | ↓ -4.35 | 0.21 | 1.71 | HSX |
| 22 | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí | 35,000.0 | 38,400 | ↓ -0.57 | 1.18 | 6.88 | HSX |
| 23 | PVF | Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 7,200.0 | 404,680 | ↓ -1.37 | 0.63 | 9.11 | HSX |
| 24 | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí | 3,900.0 | 64,740 | → 0.00 | 0.40 | 35.45 | HSX |
| 25 | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí | 3,900.0 | 24,380 | → 0.00 | 0.37 | 2.60 | HSX |
| 26 | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung | 2,200.0 | 6,590 | ↓ -4.35 | 0.20 | 1.15 | HSX |
| 27 | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí | 7,900.0 | 54,560 | ↓ -1.25 | 0.60 | 2.37 | HSX |
| 28 | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí | 4,000.0 | 200 | ↓ -2.44 | 0.37 | 2.63 | HSX |
| 29 | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 4,300.0 | 7,000 | → 0.00 | 0.39 | 4.61 | UPCOM |
| 30 | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 7,700.0 | - | → 0.00 | 0.72 | 0.00 | UPCOM |
| 31 | PSP | CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ | 4,500.0 | 7,200 | ↑ 2.27 | 0.46 | 13.58 | UPCOM |
| 32 | PSB | CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình | 4,400.0 | 6,400 | ↑ 10.00 | 0.39 | 3.95 | UPCOM |
| 32 | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương | 3,800.0 | - | → 0.00 | 0.34 | N/A | UPCOM |

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| VNM | 128,000 | 127,000 | -0.78 | 16,142,000 |
| CII | 23,600 | 24,700 | 4.66 | 12,991,475 |
| ITA | 4,300 | 4,200 | -2.33 | 10,907,714 |
| PGD | 30,800 | 29,600 | -3.90 | 9,718,635 |
| SBT | 17,000 | 17,400 | 2.35 | 8,691,434 |

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| PTI | 10,100 | 10,100 | 0.00 | 55,005 |
| NVB | 7,000 | 7,000 | 0.00 | 54,746 |
| SHB | 5,700 | 5,400 | -5.26 | 30,513 |
| ACB | 15,700 | 15,500 | -1.27 | 17,884 |
| VND | 8,400 | 8,500 | 1.19 | 12,034 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|-------|------|
| FCN | 16,500 | 17,300 | 800 | 4.85 |
| IFS | 12,500 | 13,100 | 600 | 4.80 |
| CII | 23,600 | 24,700 | 1,100 | 4.66 |
| TDW | 17,200 | 18,000 | 800 | 4.65 |
| TCO | 10,800 | 11,300 | 500 | 4.63 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|-------|-------|
| SHN | 900 | 1,000 | 100 | 11.11 |
| SGD | 7,200 | 7,700 | 500 | 6.94 |
| ADC | 10,100 | 10,800 | 700 | 6.93 |
| ARM | 14,500 | 15,500 | 1,000 | 6.90 |
| HTB | 36,300 | 38,800 | 2,500 | 6.89 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|--------|
| VSG | 1,000 | 900 | -100 | -10.00 |
| DDM | 1,400 | 1,300 | -100 | -7.14 |
| ASP | 4,000 | 3,800 | -200 | -5.00 |
| VHC | 34,300 | 32,600 | -1,700 | -4.96 |
| BCI | 16,200 | 15,400 | -800 | -4.94 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| SDJ | 1,400 | 1,300 | -100 | -7.14 |
| SRA | 2,900 | 2,700 | -200 | -6.90 |
| CJC | 16,000 | 14,900 | -1,100 | -6.88 |
| CTA | 4,500 | 4,200 | -300 | -6.67 |
| VHL | 15,000 | 14,000 | -1,000 | -6.67 |

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã | GT mua (triệu VNĐ) | Mã | GT bán (triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| VNM | 4,422 | VNM | 4,441 |
| KDC | 3,003 | KDC | 1,952 |
| DPM | 2,940 | PNJ | 1,937 |
| GMD | 2,195 | VIC | 1,515 |
| PNJ | 1,852 | DPM | 1,467 |

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã | GT mua (triệu VNĐ) | Mã | GT bán (triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| LAS | 2,064 | VND | 1,680 |
| DBC | 494 | KLS | 1,140 |
| NST | 371 | AAA | 1,028 |
| VC1 | 178 | VNR | 871 |
| EBS | 148 | SDT | 615 |

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax(84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng – ĐT: (84-0511)3899338; Fax: (84-0511) 3899339